

BẢN DỊCH

**HIỆP ĐỊNH GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ VƯƠNG QUỐC CAM-PU-CHIA
VỀ TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN
VÀ NGĂN NGỪA VIỆC TRÓN LẬU THUẾ
ĐỐI VỚI CÁC LOẠI THUẾ ĐÁNH VÀO THU NHẬP**

Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Cam-pu-chia, mong muốn ký kết một Hiệp định về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập,

Đã thoả thuận dưới đây:

Điều 1 **Phạm vi áp dụng**

Hiệp định này áp dụng đối với các đối tượng là những đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Nước ký kết.

Điều 2 **Các loại thuế bao gồm trong Hiệp định**

1. Hiệp định này áp dụng đối với các loại thuế đánh vào thu nhập do một Nước ký kết hoặc chính quyền địa phương của Nước ký kết đó, đánh vào thu nhập, bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.
2. Tất cả các loại thuế thu trên tổng thu nhập, hoặc những phần của thu nhập, bao gồm các loại thuế đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng động sản hoặc bất động sản, các loại thuế đánh trên tổng số tiền lương hoặc tiền công do doanh nghiệp trả, cũng như thuế trên giá trị tăng thêm của tài sản đều được coi là thuế đánh vào thu nhập.
3. Các loại thuế hiện hành được áp dụng tại Hiệp định này cụ thể là:
 - (a) tại Cam-pu-chia:
 - (i) Thuế đối với Lợi nhuận bao gồm Thuế Khấu trừ, Thuế Lợi nhuận Bổ sung đối với Tiền lãi cổ phần Phân phối và Thuế Chuyển nhượng Tài sản; và
 - (ii) Thuế Lương;
(sau đây gọi là “thuế Cam-pu-chia”); và
 - (b) tại Việt Nam:
 - (i) thuế thu nhập cá nhân;
 - (ii) thuế thu nhập doanh nghiệp; và

(iii) thuế thu nhập phụ thu dầu khí;
(sau đây gọi là “thuế Việt Nam”).

4. Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng đối với bất kỳ các loại thuế có tính chất tương tự hoặc về cơ bản giống như các loại thuế trên được ban hành sau ngày ký Hiệp định này để bổ sung, hoặc thay thế các loại thuế hiện hành. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau những thay đổi quan trọng trong các luật thuế của hai nước.

Điều 3 **Các định nghĩa chung**

1. Theo nội dung của Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác:
- (a) Thuật ngữ “Nước ký kết” và “Nước ký kết kia” có nghĩa là Cam-pu-chia hoặc Việt Nam tùy ngữ cảnh đòi hỏi;
 - (b) Thuật ngữ “Cam-pu-chia” có nghĩa là lãnh thổ của Vương quốc Cam-pu-chia, cũng như các vùng biển, bao gồm cả đáy biển và lòng đất dưới đáy biển liền kề với ranh giới phía ngoài của lãnh hải mà Vương quốc Cam-pu-chia thực hiện các quyền chủ quyền hoặc quyền tài phán phù hợp với luật pháp quốc tế;
 - (c) Thuật ngữ “Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; khi dùng theo nghĩa địa lý, thuật ngữ này có nghĩa là lãnh thổ đất liền, các hải đảo, nội thủy, lãnh hải và vùng trời phía trên đó, vùng biển ngoài lãnh hải, bao gồm cả đáy biển và lòng đất dưới đáy biển mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán phù hợp với pháp luật quốc gia và luật pháp quốc tế;
 - (d) Thuật ngữ “đối tượng” bao gồm cá nhân, công ty và bất kỳ tổ chức của nhiều đối tượng nào khác;
 - (e) Thuật ngữ “công ty” có nghĩa là bất kỳ tổ chức công ty hoặc bất kỳ một thực thể nào được coi là tổ chức công ty dưới giác độ thuế;
 - (f) Thuật ngữ “doanh nghiệp của một Nước ký kết” và “doanh nghiệp của Nước ký kết kia” theo thứ tự có nghĩa là một doanh nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của một Nước ký kết và một

doanh nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của Nước ký kết kia;

- (g) Thuật ngữ “vận tải quốc tế” có nghĩa là bất kỳ sự vận chuyển nào bằng tàu thủy hoặc máy bay, hoặc tàu hoặc phương tiện đường bộ hoặc thuyền được điều hành bởi một doanh nghiệp có địa điểm đăng ký (thành lập) tại một Nước ký kết, trừ trường hợp khi chiếc tàu thủy, máy bay, tàu hoặc phương tiện đường bộ hoặc thuyền đó chỉ hoạt động giữa những địa điểm trong Nước ký kết kia;
- (h) Thuật ngữ “nhà chức trách có thẩm quyền” có nghĩa là:
 - (i) Trong trường hợp của Cam-pu-chia, là Bộ trưởng Bộ Kinh tế và Tài chính hoặc người đại diện được uỷ quyền; và
 - (ii) Trong trường hợp của Việt Nam, là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được uỷ quyền.
- (i) Thuật ngữ “đối tượng mang quốc tịch”, liên quan đến một Nước ký kết, có nghĩa là:
 - (i) bất kỳ cá nhân mang quốc tịch của Nước ký kết đó; và
 - (ii) bất kỳ pháp nhân, công ty hợp danh và hiệp hội nào có tư cách theo các luật có hiệu lực tại Nước ký kết đó.

2. Khi một Nước ký kết áp dụng Hiệp định này vào bất kỳ thời điểm nào, bất kỳ thuật ngữ nào chưa được định nghĩa tại Hiệp định này sẽ có nghĩa theo như định nghĩa tại luật của Nước đó đối với các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng vào thời điểm đó, bất kỳ nghĩa nào theo các luật thuế được áp dụng của Nước đó sẽ có giá trị cao hơn nghĩa của thuật ngữ đó theo các luật khác của Nước đó, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác.

Điều 4 **Đối tượng cư trú**

1. Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ “đối tượng cư trú của một Nước ký kết” có nghĩa là bất kỳ đối tượng nào, mà theo các luật của Nước đó, là đối tượng chịu thuế căn cứ vào nhà ở, nơi cư trú, trụ sở thành lập, trụ sở đăng ký, trụ sở điều hành, địa điểm kinh doanh chính, hoặc bất kỳ các tiêu thức nào khác có tính chất tương tự, và cũng bao gồm Nước đó hoặc bất kỳ chính quyền địa phương nào của Nước đó.

Tuy nhiên, thuật ngữ này không bao gồm bất kỳ đối tượng nào là đối tượng chịu thuế tại Nước đó chỉ đối với thu nhập từ các nguồn tại Nước đó.

2. Trường hợp theo các quy định tại khoản 1, khi một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, thì thân phận cư trú của cá nhân đó sẽ được xác định như sau:
 - (a) Cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước mà tại đó cá nhân đó có nhà ở thường trú; nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở cả hai Nước, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước mà cá nhân đó có các quan hệ cá nhân và kinh tế chặt chẽ hơn (trung tâm của các quyền lợi chủ yếu);
 - (b) Nếu không thể xác định được Nước nơi cá nhân đó có trung tâm các quyền lợi chủ yếu, hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở cả hai Nước, thì cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước mà cá nhân đó thường sống;
 - (c) Nếu cá nhân đó thường xuyên sống ở cả hai Nước hoặc không thường xuyên ở Nước nào, thì cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước mà cá nhân đó mang quốc tịch;
 - (d) Nếu cá nhân đó là đối tượng mang quốc tịch của cả hai Nước hoặc không mang quốc tịch của Nước nào, các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ giải quyết vấn đề đó bằng thỏa thuận chung.
3. Theo những quy định tại khoản 1 một đối tượng không phải là một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, thì đối tượng đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước có trụ sở đăng ký (thành lập) của đối tượng đó.

Điều 5

Cơ sở thường trú

1. Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ “cơ sở thường trú” có nghĩa là một địa điểm kinh doanh cố định mà qua đó doanh nghiệp thực hiện toàn bộ hoặc một phần hoạt động kinh doanh của mình.
2. Thuật ngữ “cơ sở thường trú” chủ yếu bao gồm:
 - (a) Trụ sở điều hành;

- (b) Chi nhánh;
- (c) Văn phòng;
- (d) Nhà máy;
- (e) Xưởng;
- (f) Kho hàng;
- (g) Mỏ, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá hoặc bất kỳ địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên nào khác; và
- (h) Trang trại hoặc khu đất trồng cây.

3. Thuật ngữ “cơ sở thường trú” cũng bao gồm:

- (a) Một địa điểm xây dựng, dự án xây dựng, lắp ráp hoặc lắp đặt hoặc các hoạt động giám sát liên quan, nhưng chỉ khi địa điểm, dự án hoặc các hoạt động này kéo dài hơn 183 ngày;
- (b) Việc cung cấp các dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn do một doanh nghiệp thực hiện thông qua những người làm công hoặc những đối tượng khác được doanh nghiệp giao thực hiện các hoạt động trên, nhưng chỉ khi các hoạt động mang tính chất nêu trên kéo dài (trong cùng một dự án hoặc một dự án có liên quan) tại một Nước ký kết trong một giai đoạn hoặc nhiều giai đoạn gộp lại hơn 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng; và
- (c) Việc tiến hành các hoạt động (bao gồm cả việc vận hành thiết bị chủ yếu) tại Nước ký kết kia để thăm dò hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên trong một giai đoạn hoặc nhiều giai đoạn vượt quá 90 ngày trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng.

4. Mặc dù có các quy định trên của Điều này, thuật ngữ “cơ sở thường trú” sẽ được coi là không bao gồm:

- (a) Việc sử dụng các phương tiện chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày hàng hoá hoặc tài sản của doanh nghiệp;
- (b) Việc duy trì kho hàng hoá hoặc tài sản của doanh nghiệp chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày;
- (c) Việc duy trì kho hàng hoá hoặc tài sản của doanh nghiệp chỉ với mục đích để cho doanh nghiệp khác gia công;
- (d) Việc duy trì một địa điểm kinh doanh cố định chỉ với mục đích mua hàng hoá hoặc tài sản, hoặc để thu thập thông tin cho doanh nghiệp; và

- (e) Việc duy trì một địa điểm kinh doanh cố định chỉ với mục đích tiến hành bất kỳ hoạt động nào khác mang tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ cho doanh nghiệp.
5. Mặc dù có những quy định tại các khoản 1 và 2, trường hợp một đối tượng - trừ đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 7 - hoạt động tại một Nước ký kết thay mặt cho một doanh nghiệp của Nước ký kết kia, doanh nghiệp đó sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước ký kết thứ nhất đối với bất kỳ hoạt động nào mà đối tượng đó thực hiện cho doanh nghiệp, nếu đối tượng đó:
- (a) Có và thường xuyên thực hiện tại Nước đó thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên của doanh nghiệp, trừ khi các hoạt động của đối tượng đó được giới hạn trong phạm vi các hoạt động nêu tại khoản 4 mà những hoạt động đó nếu được thực hiện thông qua một địa điểm kinh doanh cố định thì sẽ không làm cho địa điểm kinh doanh cố định đó trở thành một cơ sở thường trú theo những quy định tại khoản đó; hoặc
 - (b) Không có thẩm quyền trên, nhưng thường xuyên duy trì tại Nước thứ nhất một kho hàng hoá hoặc tài sản, qua đó đối tượng này thường xuyên giao hàng hoá hoặc tài sản thay mặt cho doanh nghiệp; hoặc
 - (c) Thường xuyên có được các đơn đặt hàng tại Nước thứ nhất toàn bộ hoặc gần như toàn bộ cho chính doanh nghiệp hoặc các doanh nghiệp khác chịu sự kiểm soát của doanh nghiệp hoặc có quyền kiểm soát lợi ích trong doanh nghiệp đó.
6. Mặc dù có các quy định trên của Điều này, một doanh nghiệp bảo hiểm của một Nước ký kết, trừ trường hợp tái bảo hiểm, sẽ được coi là có một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia nếu doanh nghiệp đó thu phí bảo hiểm trong lãnh thổ của Nước kia hoặc bảo hiểm các rủi ro tại Nước kia thông qua một đối tượng không phải là một đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 7.
7. Một doanh nghiệp của một Nước ký kết sẽ không được coi là có một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia chỉ vì doanh nghiệp đó thực hiện kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một đại lý môi giới, một đại lý hoa hồng nói chung, hoặc bất kỳ một đại lý nào khác có tư cách độc lập, với điều kiện những đối tượng này hoạt động trong khuôn khổ kinh doanh thông thường của mình. Tuy nhiên, khi những hoạt động của đại lý đó

dành toàn bộ hoặc hầu như toàn bộ đại diện cho doanh nghiệp đó, và các điều kiện được đưa ra hoặc áp đặt giữa doanh nghiệp và đại lý trong các quan hệ thương mại và tài chính của họ khác với các điều kiện được đưa ra giữa các doanh nghiệp độc lập, đại lý đó sẽ không được coi như một đại lý có tư cách độc lập trong phạm vi ý nghĩa của khoản này.

8. Việc một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hoặc tiến hành kinh doanh tại Nước ký kết kia (có thể thông qua một cơ sở thường trú hoặc dưới hình thức khác), sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành cơ sở thường trú của công ty kia.

Điều 6

Thu nhập từ bất động sản

1. Thu nhập mà một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ bất động sản (kể cả thu nhập từ nông nghiệp hoặc lâm nghiệp) có tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.
2. Thuật ngữ “bất động sản” sẽ có nghĩa theo như luật pháp của Nước ký kết nơi có bất động sản đó. Thuật ngữ này trong mọi trường hợp sẽ bao gồm cả những phần tài sản phụ kèm theo bất động sản, đàn gia súc và thiết bị sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, các quyền được áp dụng theo như các quy định tại luật chung về điền sản, quyền sử dụng bất động sản và các quyền được hưởng các khoản thanh toán cố định hoặc không cố định trả cho việc khai thác hoặc quyền khai thác các mỏ, nguồn khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác; các tàu thủy, thuyền, phương tiện đường sắt hoặc đường bộ, và máy bay sẽ không được coi là bất động sản.
3. Các quy định tại khoản 1 cũng sẽ áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc trực tiếp sử dụng, cho thuê, hoặc sử dụng dưới bất kỳ hình thức nào khác của bất động sản.
4. Những quy định tại các khoản 1 và 3 cũng sẽ áp dụng đối với thu nhập từ bất động sản của một doanh nghiệp và thu nhập từ bất động sản sử dụng cho việc thực hiện các dịch vụ cá nhân độc lập.

Điều 7

Lợi nhuận kinh doanh

1. Lợi nhuận của một doanh nghiệp của một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ trường hợp doanh nghiệp có tiến hành kinh doanh

tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia. Nếu doanh nghiệp tiến hành kinh doanh theo cách trên, thì các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia, nhưng chỉ trên phần lợi nhuận phân bổ cho: (a) cơ sở thường trú đó; (b) việc bán tại Nước ký kết kia những hàng hoá hoặc tài sản cùng loại hoặc tương tự như những hàng hoá hoặc tài sản bán qua cơ sở thường trú đó; hoặc (c) các hoạt động kinh doanh khác được thực hiện tại Nước ký kết kia cùng loại hoặc tương tự với những hoạt động được thực hiện thông qua cơ sở thường trú đó.

2. Thẻ theo các quy định tại khoản 3, khi một doanh nghiệp của một Nước ký kết tiến hành kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia, thì tại mỗi Nước ký kết sẽ có những khoản lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú nói trên mà cơ sở thường trú đó có thể thu được nếu nó là một doanh nghiệp riêng và tách biệt tham gia vào các hoạt động như nhau hoặc tương tự trong cùng các điều kiện như nhau hoặc tương tự và có quan hệ hoàn toàn độc lập với doanh nghiệp mà nó là cơ sở thường trú của doanh nghiệp đó.
3. Trong khi xác định lợi nhuận của một cơ sở thường trú, cơ sở này sẽ được phép tính vào các khoản chi phí được trừ các khoản chi phí phát sinh phục vụ cho mục đích kinh doanh của cơ sở thường trú này, bao gồm cả chi phí điều hành và chi phí quản lý chung cho dù chi phí đó phát sinh tại Nước nơi cơ sở thường trú đó đóng hoặc ở bất kỳ nơi nào khác. Tuy nhiên, sẽ không cho phép tính vào các khoản chi phí được trừ bất kỳ khoản tiền nào, nếu có, do cơ sở thường trú trả cho (trừ khi là khoản thanh toán các chi phí thực tế) trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng nào khác của doanh nghiệp dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản phí hoặc bất kỳ khoản thanh toán tương tự nào khác để được phép sử dụng sáng chế hoặc các quyền khác, hoặc dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hoặc trả cho công việc quản lý, hoặc dưới hình thức thu nhập tính trên tiền cho cơ sở thường trú vay, trừ trường hợp thu nhập từ tiền cho vay của tổ chức ngân hàng. Tương tự như vậy, khi xác định lợi nhuận của cơ sở thường trú sẽ không tính đến các khoản tiền (trừ các khoản tiền thanh toán các chi phí thực tế) do cơ sở thường trú thu từ trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng nào khác của doanh nghiệp, dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản phí hoặc các khoản thanh toán tương tự để cho phép sử dụng sáng chế hoặc các quyền khác, hoặc dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hoặc trả cho công việc quản lý, hoặc dưới hình thức thu nhập tính trên tiền cho trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng nào của doanh nghiệp vay, trừ trường hợp thu nhập từ tiền cho vay của tổ chức ngân hàng.

4. Trường hợp tại một Nước ký kết vẫn thường xác định các khoản lợi nhuận phân bổ cho cơ sở thường trú trên cơ sở phân chia tổng lợi nhuận của doanh nghiệp thành các phần khác nhau, thì không có nội dung nào tại khoản 2 ngăn cản Nước ký kết đó xác định lợi nhuận chịu thuế theo cách phân chia theo thông lệ đó; tuy nhiên, phương pháp phân chia được áp dụng như vậy phải đưa ra kết quả phù hợp với các nguyên tắc nêu tại Điều này.
5. Vì mục đích của các khoản trên, các khoản lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú sẽ được xác định theo cùng một phương pháp qua các năm, trừ khi có đủ lý do chính đáng để xác định theo phương pháp khác.
6. Không có nội dung nào tại Điều này sẽ ảnh hưởng đến việc áp dụng bất kỳ luật nào của một Nước ký kết liên quan đến thuế áp dụng đối với thu nhập từ bảo hiểm, trừ tái bảo hiểm, với các công ty bảo hiểm không cư trú với điều kiện là luật pháp có liên quan thực thi tại một trong hai Nước ký kết đối với bảo hiểm có tại Nước đó.
7. Khi lợi nhuận bao gồm các khoản thu nhập được đề cập riêng tại các Điều khác của Hiệp định này, thì những quy định của các Điều đó không bị ảnh hưởng bởi các quy định tại Điều này.

Điều 8

Vận tải quốc tế

1. Lợi nhuận thu được từ hoạt động của máy bay trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi doanh nghiệp đăng ký (thành lập).
2. Lợi nhuận do một doanh nghiệp của một Nước ký kết thu được từ hoạt động vận tải quốc tế của tàu thủy, các phương tiện đường sắt hoặc đường bộ hoặc thuyền có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia, nhưng thuế đánh tại Nước ký kết kia sẽ được giảm một số tiền bằng 50 phần trăm.
3. Những quy định tại các khoản 1 và 2 cũng sẽ áp dụng đối với các khoản lợi nhuận từ việc tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hoặc một hãng hoạt động quốc tế.

Điều 9

Các doanh nghiệp liên kết

1. Khi:

- (a) một doanh nghiệp của một Nước ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc quản lý, kiểm soát hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp của Nước ký kết kia, hoặc
- (b) các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc quản lý, kiểm soát hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp của một Nước ký kết và vào một doanh nghiệp của Nước ký kết kia,

và trong cả hai trường hợp, trong các mối quan hệ thương mại hoặc tài chính giữa hai doanh nghiệp trên có những điều kiện được đưa ra hoặc áp đặt khác với điều kiện được đưa ra giữa các doanh nghiệp độc lập, lúc đó mọi khoản lợi nhuận mà một doanh nghiệp có thể thu được nếu không có các điều kiện trên, nhưng nay vì các điều kiện này mà doanh nghiệp đó không thu được, sẽ vẫn được tính vào các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp đó và bị đánh thuế tương ứng.

2. Khi một Nước ký kết tính vào các khoản lợi nhuận của một doanh nghiệp tại Nước đó - và đánh thuế tương ứng - các khoản lợi nhuận mà một doanh nghiệp tại Nước ký kết kia đã bị đánh thuế ở Nước kia và những khoản lợi nhuận được tính vào như vậy là những khoản lợi nhuận lẽ ra thuộc về doanh nghiệp tại Nước thứ nhất nếu những điều kiện xác lập giữa hai doanh nghiệp trên là những điều kiện được đưa ra giữa các doanh nghiệp độc lập, khi đó Nước kia sẽ điều chỉnh các khoản thuế tại Nước mình đối với các khoản lợi nhuận trên cho phù hợp. Khi xác định sự điều chỉnh này, các quy định khác của Hiệp định này sẽ được xem xét một cách thích hợp và các nhà chức trách có thẩm quyền của các Nước ký kết sẽ tham vấn lẫn nhau nếu cần thiết.

ĐIỀU 10 **Tiền lãi cổ phần**

1. Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.
2. Tuy nhiên các khoản tiền lãi cổ phần đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu chủ sở hữu thực hưởng tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia thì thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần.

Khoản này sẽ không ảnh hưởng tới việc đánh thuế công ty đối với lợi nhuận dùng để chia tiền lãi cổ phần.

3. Thuật ngữ “tiền lãi cổ phần” được sử dụng tại Điều này có nghĩa là thu nhập từ cổ phần, cổ phần khai thác mỏ, cổ phần của người sáng lập hoặc các quyền khác, không phải các khoản nợ, được hưởng lợi nhuận, cũng như thu nhập từ các quyền lợi công ty khác thuộc sự điều chỉnh của chính sách thuế đối với thu nhập từ cổ phần theo luật pháp của Nước nơi công ty chia lãi cổ phần là đối tượng cư trú.
4. Những quy định tại các khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu chủ sở hữu thực hưởng các khoản tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú của một Nước ký kết tiến hành kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước đó, hoặc tiến hành tại Nước ký kết kia các dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước kia, và việc nắm giữ mà theo đó các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế đến cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp như vậy các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.
5. Khi một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được các khoản lợi nhuận hoặc thu nhập từ Nước ký kết kia, Nước ký kết kia có thể không đánh bất cứ khoản thuế nào đối với các khoản tiền lãi cổ phần do công ty này trả, trừ trường hợp các khoản tiền lãi cổ phần này được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, hoặc việc nắm giữ mà theo đó các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định nằm tại Nước ký kết kia, đồng thời Nước ký kết kia cũng không buộc các khoản lợi nhuận không chia của công ty trên phải chịu thuế đối với các khoản lợi nhuận không chia của công ty, cho dù các khoản tiền lãi cổ phần được trả hoặc các khoản lợi nhuận không chia bao gồm toàn bộ hoặc một phần các khoản lợi nhuận hoặc thu nhập phát sinh tại Nước ký kết kia.

ĐIỀU 11

Lãi từ tiền cho vay

1. Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.
2. Tuy nhiên, khoản lãi từ tiền cho vay này cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi lãi từ tiền cho vay phát sinh và theo luật pháp của Nước đó, nhưng nếu chủ sở hữu thực hưởng lãi từ tiền cho vay là đối tượng cư

trú của Nước ký kết kia, thì mức thuế khi đó sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số khoản lãi từ tiền cho vay.

3. Mặc dù đã có quy định tại khoản 2, lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng nhận của Nước ký kết kia sẽ được miễn thuế tại Nước thứ nhất nếu chủ sở hữu thực hưởng:
 - (a) là Chính phủ hoặc ngân hàng trung ương hoặc bất kỳ chính quyền địa phương nào của Nước ký kết kia, hoặc bất kỳ thực thể nào của chính quyền địa phương đó; hoặc
 - (b) là một ngân hàng hoặc tổ chức tài chính mà trên 50 phần trăm vốn được nắm giữ bởi Chính phủ đó hoặc bất kỳ chính quyền địa phương nào của Nước ký kết đó, hoặc bất kỳ thực thể nào của chính quyền địa phương đó.

Theo nội dung của khoản này, thuật ngữ “ngân hàng trung ương” có nghĩa là:

- a. Trong trường hợp của Cam-pu-chia, Ngân hàng Quốc gia Cam-pu-chia.
 - b. Trong trường hợp của Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
4. Thuật ngữ “lãi từ tiền cho vay” được sử dụng tại Điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản cho vay dưới bất kỳ hình thức nào, có hoặc không được đảm bảo bằng thế chấp, và có hoặc không có quyền được hưởng lợi nhuận của người đi vay, và đặc biệt là khoản thu nhập từ chứng khoán của Chính phủ và thu nhập từ trái phiếu hoặc trái phiếu công ty, bao gồm cả tiền thưởng và giải thưởng đi liền với các chứng khoán, trái phiếu hoặc trái phiếu công ty đó. Vì mục đích của Điều này, các khoản phạt trả chậm sẽ không được coi là lãi từ tiền cho vay.
 5. Những quy định tại các khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu chủ sở hữu thực hưởng các khoản lãi từ tiền cho vay là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi phát sinh các khoản lãi từ tiền cho vay thông qua một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia, hoặc tiến hành tại Nước ký kết kia các dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước ký kết kia và khoản nợ có các khoản tiền lãi được trả có sự liên hệ thực tế với (a) cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó, hoặc với (b) các hoạt động kinh doanh nêu tại điểm (c) khoản 1 Điều 7. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

6. Lãi từ tiền cho vay sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi người trả chính là Nước đó, chính quyền địa phương hoặc thực thể của nó, hoặc một đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả lãi từ tiền cho vay có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định liên quan đến các khoản nợ đã phát sinh các khoản lãi từ tiền cho vay này, và khoản lãi từ tiền cho vay đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, khoản lãi từ tiền cho vay này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi có cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó.
7. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và chủ sở hữu thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên và một đối tượng nào đó, mà khoản lãi từ tiền cho vay được trả cho khoản nợ có liên quan vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả và chủ sở hữu thực hưởng khi không có mối quan hệ này, thì các quy định tại Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết có xem xét kỹ các quy định khác của Hiệp định này.

Điều 12 **Tiền bản quyền**

1. Tiền bản quyền phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.
2. Tuy nhiên, các khoản tiền bản quyền này cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi các khoản tiền bản quyền này phát sinh, và theo luật pháp của Nước đó, nhưng nếu chủ sở hữu thực hưởng tiền bản quyền là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, thì mức thuế được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số tiền bản quyền.
3. Thuật ngữ “tiền bản quyền” được sử dụng tại Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán dưới bất kỳ hình thức nào được trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bất kỳ bản quyền tác giả nào của một tác phẩm văn học, nghệ thuật hoặc khoa học, kể cả phim điện ảnh, hoặc các loại phim hoặc băng dùng cho phát thanh hoặc truyền hình, sáng chế, nhãn hiệu, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc quy trình bí mật, hoặc trả cho việc sử dụng hoặc quyền sử dụng thiết bị công nghiệp, thương mại hoặc khoa học, hoặc trả cho thông tin liên quan đến các kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hoặc khoa học.

4. Những quy định tại các khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu chủ sở hữu thực hưởng các khoản tiền bản quyền là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi tiền bản quyền phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước ký kết kia, hoặc tiến hành tại Nước kia các dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định có tại Nước kia, và quyền hoặc tài sản có các khoản tiền bản quyền được trả có sự liên hệ thực tế với (a) cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó, hoặc với (b) các hoạt động kinh doanh nêu tại điểm (c) khoản 1 Điều 7. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.
5. Tiền bản quyền sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi người trả chính là Nhà nước đó, một chính quyền địa phương hoặc thực thể của nó, hoặc một đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả tiền bản quyền có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định liên quan đến trách nhiệm trả tiền bản quyền đã phát sinh, và khoản tiền bản quyền đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng đó có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, khoản tiền bản quyền này sẽ vẫn được coi là phát sinh tại Nước nơi có cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó.
6. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và chủ sở hữu thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên và một đối tượng nào đó, khoản tiền bản quyền được trả cho việc sử dụng, quyền hoặc thông tin, vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả tiền và chủ sở hữu thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì khi đó các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo pháp luật của từng Nước ký kết có xem xét kỹ các quy định khác của Hiệp định này.

Điều 13 **Phí dịch vụ kỹ thuật**

1. Phí dịch vụ kỹ thuật phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.
2. Tuy nhiên, các khoản phí dịch vụ kỹ thuật cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh và theo luật pháp của Nước đó, nhưng nếu người nhận là chủ sở hữu thực hưởng các khoản phí dịch vụ kỹ thuật này, thì mức thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số tiền phí dịch vụ kỹ thuật.

3. Thuật ngữ “phí dịch vụ kỹ thuật” được sử dụng tại Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán dưới bất kỳ hình thức nào được trả cho bất kỳ đối tượng nào, không phải là một người làm thuê của đối tượng chi trả, liên quan đến các dịch vụ mang tính chất kỹ thuật, quản lý hoặc tư vấn, nhưng không bao gồm các khoản thanh toán trả cho các dịch vụ mà Điều 15 của Hiệp định này áp dụng.
4. Những quy định tại các khoản 1 và 2 của Điều này sẽ không áp dụng nếu chủ sở hữu thực hưởng các khoản tiền phí dịch vụ kỹ thuật, là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi phí dịch vụ kỹ thuật phát sinh thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước ký kết kia, và phí dịch vụ kỹ thuật có sự liên hệ thực tế với (a) cơ sở thường trú, hoặc với (b) các hoạt động kinh doanh nêu tại điểm (c) khoản 1 Điều 7 (Lợi nhuận Kinh doanh). Trong trường hợp này các quy định tại Điều 7 sẽ được áp dụng.
5. Phí dịch vụ kỹ thuật sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi người trả chính là Nước đó, chính quyền địa phương hoặc thực thể của nó, hoặc một đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả tiền phí dịch vụ kỹ thuật, có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định liên quan đến trách nhiệm trả tiền phí dịch vụ kỹ thuật đã phát sinh, và khoản tiền phí dịch vụ kỹ thuật đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng đó có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, khoản tiền phí dịch vụ kỹ thuật này sẽ vẫn được coi là phát sinh tại Nước nơi có cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó.
6. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và chủ sở hữu thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên và một đối tượng nào đó, khoản tiền phí dịch vụ kỹ thuật được trả vượt quá, vì bất kỳ lý do gì, khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả tiền và chủ sở hữu thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì khi đó các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo pháp luật của từng Nước ký kết, có xem xét kỹ các quy định khác của Hiệp định này.

Điều 14

Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản

1. Thu nhập thu được bởi một đối tượng cư trú của một Nước ký kết từ việc chuyển nhượng bất động sản nêu tại Điều 6 và nằm tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.
2. Thu nhập từ chuyển nhượng động sản tạo thành một phần tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một doanh nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia hoặc của động sản gắn liền một cơ sở cố định có thể có cho một đối tượng cư trú của một Nước ký kết tại Nước ký kết kia cho mục đích tiến hành các dịch vụ cá nhân độc lập, kể cả thu nhập từ việc chuyển nhượng cơ sở thường trú này (một cách riêng rẽ hoặc cùng với toàn bộ doanh nghiệp) hoặc cơ sở cố định này có thể bị đánh thuế tại Nước kia.
3. Thu nhập từ việc chuyển nhượng các tàu thủy hoặc máy bay được điều hành trong vận tải quốc tế, hoặc phương tiện đường sắt hoặc đường bộ, hoặc thuyền hoạt động trong vận tải đường thủy nội địa hoặc động sản gắn liền với việc điều hành các tàu thủy, máy bay, hoặc phương tiện đường sắt hoặc đường bộ, hoặc thuyền đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi doanh nghiệp đăng ký (thành lập).
4. Thu nhập từ việc chuyển nhượng các cổ phần trong vốn cổ phần của một công ty, hoặc phần quyền lợi trong một công ty hợp danh, tín thác hoặc di sản, mà tài sản của các tổ chức này chủ yếu trực tiếp hoặc gián tiếp bao gồm bất động sản nằm tại Nước ký kết kia, có thể bị đánh thuế tại Nước kia. Theo nội dung của khoản này, “chủ yếu” liên quan đến quyền sở hữu của bất động sản có nghĩa là giá trị của bất động sản đó vượt quá 30 phần trăm giá trị gộp của tất cả các tài sản do công ty, công ty hợp danh, tín thác hoặc di sản sở hữu.
5. Thu nhập thu được từ việc chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác với những tài sản đã được nêu tại các khoản 1, 2, 3 và 4 sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi đối tượng chuyển nhượng là đối tượng cư trú.

Điều 15

Dịch vụ cá nhân độc lập

1. Thễ theo các quy định của Điều 13, thu nhập do một cá nhân là đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các dịch vụ ngành nghề hoặc các hoạt động khác có tính chất độc lập sẽ chỉ bị đánh thuế tại

Nước đó trừ các trường hợp sau đây, khi đó những khoản thu nhập như vậy cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia:

- (a) Nếu đối tượng đó thường xuyên có tại Nước ký kết kia một cơ sở cố định để thực hiện các hoạt động của đối tượng đó; trong trường hợp đó, chỉ phần thu nhập phân bổ cho cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia; hoặc
 - (b) Nếu đối tượng đó có mặt tại Nước ký kết kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại bằng hoặc vượt quá 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng nào bắt đầu hoặc kết thúc trong năm tài chính có liên quan; trong trường hợp đó, chỉ phần thu nhập phát sinh từ các hoạt động của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia..
2. Thuật ngữ “dịch vụ ngành nghề” bao gồm chủ yếu những hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục hoặc giảng dạy mang tính chất độc lập cũng như các hoạt động độc lập của các thầy thuốc, luật sư, kỹ sư, kiến trúc sư, nha sĩ và kế toán viên.

Điều 16

Dịch vụ cá nhân phụ thuộc

1. Thẻ theo những quy định tại các Điều 17, 19, 20 và 21, các khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ khi lao động làm công của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết kia. Nếu lao động làm công được thực hiện như vậy, tiền công trả cho lao động đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.
2. Mặc dù đã có những quy định tại khoản 1, tiền công do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công được thực hiện tại Nước ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước thứ nhất nếu:
 - (a) Người nhận tiền công có mặt tại Nước ký kết kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại không vượt quá 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng nào bắt đầu hoặc kết thúc trong năm tài chính có liên quan; và
 - (b) Tiền công được trả bởi chủ lao động hay đối tượng đại diện chủ lao động không phải là đối tượng cư trú tại Nước kia, và

(c) Số tiền công không phải phát sinh tại một cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định mà chủ lao động có tại Nước kia.

3. Mặc dù đã có những quy định trên của Điều này, tiền công thu được từ lao động làm trên tàu thủy hoặc máy bay hoặc phương tiện đường sắt hoặc đường bộ, hoặc trên một chiếc thuyền được điều hành trong vận tải quốc tế, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi doanh nghiệp đăng ký (thành lập).

Điều 17

Thù lao giám đốc và Thù lao nhân viên quản lý cao cấp

1. Các khoản thù lao cho giám đốc và các khoản thanh toán tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được với tư cách là thành viên của Ban giám đốc của một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.
2. Các khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được với tư cách là một nhân viên quản lý cấp cao của một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

Điều 18

Nghệ sĩ và Vận động viên

1. Mặc dù đã có những quy định tại các Điều 15 và 16, thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được với tư cách người biểu diễn như diễn viên sân khấu, diễn viên điện ảnh, nghệ sĩ phát thanh hoặc truyền hình, hoặc nhạc công, hoặc với tư cách là vận động viên từ những hoạt động cá nhân của người đó thực hiện tại Nước ký kết kia, có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.
2. Trường hợp thu nhập liên quan đến các hoạt động cá nhân của người biểu diễn hoặc vận động viên nhưng không được trả cho bản thân người biểu diễn hoặc vận động viên đó, mà trả cho một đối tượng khác, thì thu nhập này có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi diễn ra những hoạt động trình diễn của người biểu diễn hoặc vận động viên đó, mặc dù đã có những quy định tại các Điều 7, 15 và 16.
3. Mặc dù đã có những quy định tại khoản 1, thu nhập do các nghệ sĩ hoặc vận động viên là đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động tại Nước ký kết kia theo một chương trình trao đổi văn hoá giữa Chính phủ của cả hai Nước ký kết, cho dù được tài trợ toàn bộ hoặc

một phần bởi Chính phủ của một trong hai Nước, sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết kia.

Điều 19

Tiền lương hưu và các khoản thanh toán bảo hiểm xã hội

1. Thẻ theo các quy định tại khoản 2 Điều 20, tiền lương hưu và các khoản thù lao tương tự khác được trả cho một đối tượng cư trú của một Nước ký kết do các công việc đã làm trước đây sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.
2. Mặc dù đã có những quy định tại khoản 1, tiền lương hưu và các khoản tiền thanh toán khác được trả theo một chương trình công cộng là một phần của hệ thống bảo hiểm xã hội của một Nước ký kết hoặc bất kỳ chính quyền địa phương nào của Nước ký kết đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

Article 20

Phục vụ Chính phủ

1. (a) Các khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác, trừ tiền lương hưu, do một Nước ký kết hoặc chính quyền địa phương của Nước ký kết đó trả cho một cá nhân đối với các công việc phục vụ cho Nhà nước hoặc chính quyền địa phương đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

(b) Tuy nhiên, khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác nói trên sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu việc phục vụ này được thực hiện tại Nước ký kết kia và nếu cá nhân này là đối tượng cư trú của Nước kia, đồng thời:
 - (i) là đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia; hoặc
 - (ii) không trở thành đối tượng cư trú của Nước ký kết kia chỉ đơn thuần vì thực hiện những công việc trên.
2. (a) Bất kỳ khoản tiền lương hưu nào do một Nước ký kết hoặc chính quyền địa phương của Nước ký kết đó hoặc do các quỹ của những cơ quan này lập ra trả cho một cá nhân đối với công việc phục vụ cho Nhà nước hoặc chính quyền địa phương đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

- (b) Tuy nhiên, khoản tiền lương hưu này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu cá nhân này là đối tượng cư trú và là đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia.
3. Những quy định của các Điều 16, 17, 18 và 19 sẽ áp dụng đối với những khoản tiền lương, tiền công, tiền lương hưu và các khoản tiền thù lao tương tự khác đối với các công việc liên quan đến một hoạt động kinh doanh được tiến hành bởi một Nước ký kết hoặc chính quyền địa phương của Nước đó.

Điều 21

Sinh viên và Thực tập sinh

Những khoản tiền mà một sinh viên hoặc học sinh học nghề hoặc thực tập sinh nhận được để trang trải các chi phí sinh hoạt, học tập hoặc đào tạo mà người sinh viên hoặc học sinh học nghề này ngay trước khi đến một Nước ký kết đang hoặc đã là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và hiện có mặt tại Nước thứ nhất chỉ với mục đích học tập hoặc đào tạo, sẽ không bị đánh thuế tại Nước đó, với điều kiện những khoản tiền đó phát sinh từ các nguồn ở bên ngoài Nước đó.

Điều 22

Thu nhập khác

1. Các khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, cho dù phát sinh ở đâu, chưa được đề cập đến tại những Điều trên của Hiệp định này, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.
2. Các quy định tại khoản 1 sẽ không áp dụng đối với thu nhập, trừ thu nhập từ bất động sản được định nghĩa tại khoản 2 Điều 6, nếu đối tượng nhận khoản thu nhập đó là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia, hoặc tiến hành tại Nước kia các dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước kia, và quyền hoặc tài sản liên quan đến số thu nhập được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó. Trong trường hợp như vậy những quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.
3. Mặc dù đã có những quy định tại các khoản 1 và 2, các khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết chưa được đề cập đến tại các Điều trên của Hiệp định này và phát sinh tại Nước ký kết kia cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

Điều 23

Các biện pháp tránh đánh thuế hai lần

1. Tại Cam-pu-chia, việc đánh thuế hai lần sẽ được xóa bỏ như sau:
 - (a) Trường hợp một đối tượng cư trú của Cam-pu-chia nhận được thu nhập, phù hợp với các quy định của Hiệp định này, có thể bị đánh thuế tại Việt Nam, Cam-pu-chia sẽ cho phép khấu trừ vào số thuế đánh trên thu nhập của đối tượng cư trú đó, một khoản tiền bằng số tiền thuế đã nộp tại Việt Nam. Tuy nhiên, khoản tiền thuế được khấu trừ đó sẽ không vượt quá phần thuế đánh trên thu nhập, được tính trước khi cho phép khấu trừ, phân bổ cho thu nhập có thể bị đánh thuế tại Việt Nam.
 - (b) Trường hợp một đối tượng cư trú của Cam-pu-chia nhận được thu nhập phù hợp với bất kỳ quy định nào của Hiệp định này được miễn thuế tại Cam-pu-chia, Cam-pu-chia trong khi tính thuế trên phần thu nhập còn lại của đối tượng cư trú đó, có thể tính đến phần thu nhập được miễn thuế.
 - (c) Theo nội dung của điểm 1(a) ở trên, thuật ngữ “thuế thu nhập nộp tại Việt Nam” sẽ được coi như bao gồm cả số thuế Việt Nam, mà theo các luật của Việt Nam và phù hợp với Hiệp định này, đáng ra phải nộp thuế Việt Nam nhưng được miễn hoặc giảm phù hợp với Luật Đầu tư Nước ngoài tại Việt Nam và các quy định có liên quan hoặc bất kỳ biện pháp khuyến khích đặc biệt được xây dựng nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế tại Việt Nam.
2. Tại Việt Nam, việc đánh thuế hai lần sẽ được xóa bỏ như sau:
 - (a) Trường hợp một đối tượng cư trú của Việt Nam nhận được thu nhập, phù hợp với các quy định của Hiệp định này, có thể bị đánh thuế tại Cam-pu-chia, Việt Nam sẽ cho phép khấu trừ vào số thuế đánh trên thu nhập của đối tượng cư trú đó, một khoản tiền bằng số tiền thuế đã nộp tại Cam-pu-chia. Tuy nhiên, khoản tiền thuế được khấu trừ đó sẽ không vượt quá phần thuế đánh trên thu nhập, được tính trước khi cho phép khấu trừ, phân bổ cho thu nhập có thể bị đánh thuế tại Cam-pu-chia.
 - (b) Trường hợp một đối tượng cư trú của Việt Nam nhận được thu nhập phù hợp với bất kỳ quy định nào của Hiệp định này được miễn thuế tại Việt Nam, Việt Nam trong khi tính thuế trên phần thu nhập còn

lại của đối tượng cư trú đó, có thể tính đến phần thu nhập được miễn thuế.

- (c) Theo nội dung của điểm 2(a) ở trên, thuật ngữ “thuế thu nhập nộp tại Cam-pu-chia” sẽ được coi như bao gồm cả số thuế đáng ra phải nộp tại Cam-pu-chia nhưng được giảm hoặc miễn phù hợp với Luật Đầu tư và các biện pháp khuyến khích đặc biệt được xây dựng nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế tại Cam-pu-chia.
3. Theo nội dung điểm 2(a) của Điều này, thuật ngữ “thuế đã nộp tại Cam-pu-chia” không bao gồm Thuế Lợi nhuận Bổ sung đối với Phân phối Tiền lãi cổ phần phải trả đối với thu nhập mà các quy định của điểm 2(b) Điều này áp dụng.

Điều 24

Không phân biệt đối xử

1. Các đối tượng mang quốc tịch của một Nước ký kết sẽ không phải chịu tại Nước ký kết kia bất kỳ chế độ thuế nào hoặc bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến chế độ thuế đó khác với hoặc nặng hơn chế độ thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang hoặc có thể áp dụng cho những đối tượng mang quốc tịch của Nước kia trong cùng các hoàn cảnh như nhau, nhất là trên phương diện cư trú. Mặc dù có các quy định tại Điều 1, quy định này cũng áp dụng đối với các đối tượng không phải là đối tượng cư trú của một hoặc cả hai Nước ký kết.
2. Chế độ thuế áp dụng đối với một cơ sở thường trú của một doanh nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia sẽ không kém thuận lợi hơn tại Nước ký kết kia so với chế độ thuế áp dụng đối với các doanh nghiệp của Nước ký kết kia cùng tiến hành các hoạt động tương tự. Quy định này sẽ không được giải thích là buộc một Nước ký kết phải cho các đối tượng cư trú của Nước ký kết kia được hưởng bất kỳ khoản miễn thu cá nhân, khoản miễn và giảm nào vì mục đích thuế căn cứ vào tư cách dân sự hoặc trách nhiệm gia đình mà Nước đó cho các đối tượng cư trú của Nước mình được hưởng.
3. Trừ trường hợp áp dụng những quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 7 Điều 11, khoản 6 Điều 12 hoặc khoản 6 Điều 13, lãi từ tiền cho vay, tiền bản quyền, phí dịch vụ kỹ thuật và các khoản thanh toán khác do một doanh nghiệp của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia khi xác định các khoản lợi nhuận chịu thuế của doanh nghiệp đó sẽ được tính vào chi phí theo cùng các điều kiện như các khoản đó được trả cho đối tượng cư trú của Nước thứ nhất.

4. Các doanh nghiệp của một Nước ký kết có toàn bộ hoặc một phần vốn do một hoặc nhiều đối tượng cư trú của Nước ký kết kia sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp, sẽ không phải chịu tại Nước thứ nhất bất kỳ chế độ thuế hoặc yêu cầu liên quan đến chế độ thuế đó khác với hoặc nặng hơn chế độ thuế và những yêu cầu liên quan hiện đang hoặc có thể được áp dụng cho các doanh nghiệp tương tự khác của Nước thứ nhất.
5. Những quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các loại thuế bao gồm trong Hiệp định này.

Điều 25 **Thủ tục thỏa thuận song phương**

1. Trường hợp một đối tượng cho rằng việc giải quyết của một hoặc cả hai Nước ký kết làm cho hoặc sẽ làm cho đối tượng đó phải nộp thuế không đúng với các quy định của Hiệp định này, khi đó đối tượng này có thể giải trình trường hợp của mình với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết nơi đối tượng đó đang cư trú, hoặc nếu trường hợp của đối tượng đó thuộc khoản 1 của Điều 24 tới nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết nơi đối tượng đó là đối tượng mang quốc tịch mặc dù luật trong nước của hai Nước ký kết đã quy định các chế độ xử lý khiếu nại. Trường hợp đó cần phải được giải trình trong vòng ba năm kể từ thông báo đầu tiên về cách giải quyết dẫn đến hình thức thuế áp dụng không đúng với các quy định của Hiệp định.
2. Nhà chức trách có thẩm quyền sẽ cố gắng, nếu như việc khiếu nại là hợp lý và nếu bản thân nhà chức trách đó không thể đi đến một giải pháp thỏa đáng, phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia để cùng giải quyết trường hợp khiếu nại bằng thỏa thuận chung, nhằm mục đích tránh đánh thuế không phù hợp với quy định của Hiệp định này. Mọi thỏa thuận đạt được sẽ được thực hiện mặc dù đã có bất kỳ những giới hạn về thời gian quy định tại luật trong nước của hai Nước ký kết.
3. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ cùng nhau cố gắng giải quyết bằng thỏa thuận chung mọi khó khăn hoặc vướng mắc nảy sinh trong quá trình giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước cũng có thể trao đổi với nhau nhằm xóa bỏ việc đánh thuế hai lần trong các trường hợp không được quy định tại Hiệp định.

4. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết có thể trực tiếp liên hệ với nhau vì mục đích đạt được một thỏa thuận về ý nghĩa của các khoản trên.

Điều 26

Trao đổi thông tin

1. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ trao đổi với nhau những thông tin có thể thấy trước là thích hợp cho việc thực hiện các quy định của Hiệp định này hoặc việc quản lý hoặc thực thi nội luật của các Nước ký kết liên quan đến các loại thuế được đánh bởi hai Nước ký kết, hoặc bất kỳ chính quyền địa phương nào trong phạm vi việc đánh thuế không trái với Hiệp định này, đặc biệt để ngăn chặn gian lận hoặc trốn thuế.
2. Mọi thông tin do một Nước ký kết nhận được theo khoản 1 sẽ được giữ bí mật giống như thông tin thu nhận theo nội luật của Nước này và thông tin đó sẽ chỉ được cung cấp cho các đối tượng hoặc các cơ quan chức năng (bao gồm cả tòa án và các cơ quan hành chính) có liên quan đến việc tính toán hoặc thu, cưỡng chế hoặc truy tố đối với, hoặc xác định các khiếu nại về các loại thuế nêu tại khoản 1, hoặc giám sát các nội dung trên. Các đối tượng hoặc các cơ quan chức năng này sẽ chỉ sử dụng các thông tin đó vào các mục đích nêu trên. Họ có thể cung cấp các thông tin này trong quá trình tố tụng công khai của tòa án hoặc trong các quyết định của tòa án.
3. Không có trường hợp nào cho phép những quy định tại các khoản 1 và 2 được giải thích là buộc một Nước ký kết có nghĩa vụ:
 - (a) Thực hiện các biện pháp hành chính khác với luật pháp hoặc thông lệ về quản lý hành chính của Nước ký kết đó hoặc của Nước ký kết kia;
 - (b) Cung cấp các thông tin không thể đạt được theo luật pháp hoặc thông lệ quản lý hành chính thông thường của Nước ký kết đó hoặc của Nước ký kết kia;
 - (c) Cung cấp các thông tin có thể làm tiết lộ bí mật về mua bán, kinh doanh, bí mật công nghiệp, thương mại hoặc nghề nghiệp hoặc các quy trình kinh doanh, hoặc các thông tin mà việc tiết lộ chúng có thể trái với chính sách công.

4. Nếu thông tin do một Nước ký kết yêu cầu phù hợp với Điều này, Nước ký kết kia sẽ sử dụng các biện pháp thu thập thông tin của mình để có được các thông tin theo yêu cầu, mặc dù Nước kia có thể không cần các thông tin như vậy cho các mục đích thuế của chính mình. Nghĩa vụ được quy định tại câu trên phụ thuộc vào các giới hạn tại khoản 3 nhưng trong mọi trường hợp, các giới hạn này không có nghĩa là cho phép một Nước ký kết từ chối việc cung cấp thông tin chỉ vì Nước ký kết đó không có lợi ích trong nước đối với các thông tin như vậy.
5. Không có trường hợp nào cho phép những quy định tại khoản 3 được giải thích là cho phép một Nước ký kết từ chối việc cung cấp thông tin chỉ vì thông tin do một ngân hàng, tổ chức tài chính, đối tượng được chỉ định hoặc đối tượng với tư cách đại lý hoặc đối tượng được ủy thác khác nắm giữ hoặc chỉ vì thông tin có liên quan tới các lợi ích về sở hữu trong một đối tượng.

Điều 27

Cơ quan đại diện ngoại giao và cơ quan đại diện lãnh sự

Không có nội dung nào tại Hiệp định này ảnh hưởng đến các ưu đãi về thuế của cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan đại diện lãnh sự theo các nguyên tắc chung của pháp luật quốc tế hoặc các quy định tại các hiệp định đặc biệt.

Điều 28

Hiệu lực

1. Từng Nước ký kết sẽ thông báo cho Nước ký kết kia biết bằng văn bản thông qua đường ngoại giao việc hoàn thành các thủ tục cần thiết theo luật pháp của nước mình để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày nhận được thông báo sau cùng.
2. Hiệp định này sẽ có hiệu lực thi hành:
 - (a) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, liên quan đến các khoản thu nhập chịu thuế nhận được vào ngày hoặc sau ngày đầu tiên của tháng Một sau năm dương lịch Hiệp định có hiệu lực, và trong các năm dương lịch tiếp theo; và
 - (b) đối với các khoản thuế khác, liên quan đến thu nhập phát sinh vào ngày hoặc sau ngày đầu tiên của tháng Một sau năm dương lịch Hiệp định có hiệu lực, và trong các năm dương lịch tiếp theo.

Điều 29
Chấm dứt hiệu lực

Hiệp định này có hiệu lực cho đến khi một Nước ký kết chấm dứt hiệu lực. Từng Nước ký kết thông qua đường ngoại giao có thể chấm dứt hiệu lực Hiệp định bằng cách gửi cho Nước ký kết kia văn bản thông báo chấm dứt hiệu lực Hiệp định ít nhất sáu tháng trước khi kết thúc bất kỳ năm dương lịch nào bắt đầu từ sau thời hạn năm năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực. Trong trường hợp này, Hiệp định sẽ hết hiệu lực thi hành:

- (a) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, liên quan đến các khoản thu nhập chịu thuế nhận được vào ngày hoặc sau ngày đầu tiên của tháng Một sau năm dương lịch nhận được thông báo chấm dứt hiệu lực, và trong các năm dương lịch tiếp theo; và
- (b) đối với các khoản thuế khác, liên quan đến thu nhập, lợi nhuận hoặc giá trị tăng thêm phát sinh vào ngày hoặc sau ngày đầu tiên của tháng Một sau năm dương lịch nhận được thông báo chấm dứt hiệu lực, và trong các năm dương lịch tiếp theo.

ĐỂ LÀM BẰNG những người có tên dưới đây, được sự uỷ quyền hợp thức của Chính phủ nước mình, đã ký vào Hiệp định này.

LÀM tại Hà Nội thành hai bản ngày 31 tháng 3 năm 2018, bằng tiếng Anh.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

(đã ký)

Trần Xuân Hà
Thứ trưởng
Bộ Tài chính

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
VƯƠNG QUỐC
CAM-PU-CHIA

(đã ký)

Chou Vichith
Thứ trưởng
Bộ Kinh tế và Tài chính